**Đặc tả Use Case**

1. **Use case Đăng Nhập**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Đăng Nhập | |
| **Actor:** Nhân Viên | |
| **Mô tả:** Use case cho phép actor thực hiện login vào hệ thống. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đang ở giao diện đăng nhập | |
| **Điều kiện sau:** Hiện thị các chức năng tương ứng | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân Viên điền thông tin user name, password và chọn đăng nhập | 2. Lấy thông tin các user, kiểm tra thông tin và hiển thị form tương ứng. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
| 2.2. Nhân Viên nhập lại thông tin. | 2.1. Hệ thống không tìm thấy user hoặc password không trùng khớp, thông báo và hiển thị form đăng nhập. |

**2. Use case Đăng Xuất**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Đăng Xuất | |
| **Actor:** Nhân Viên | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor xem thực hiện logout ra khỏi hệ thống | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập được vào hệ thống | |
| **Điều kiện sau:** Hiển thị form đăng nhập | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân Viên Chọn chức năng Đăng Xuất | 2. Hệ thống đăng xuất user đang làm việc và trả về form tương ứng |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**3. Use case Yêu Cầu Thêm Giường**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Yêu Cầu Thêm Giường | |
| **Actor:** Nhân Viên Điều Bệnh | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor gửi yêu cầu lên hệ thống xin cấp thêm giường bệnh. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã chọn giường thêm trong một phòng hoặc giường ngoài hành lang chưa được cấp quyền sử dụng. | |
| **Điều kiện sau:** Hiển thị kết quả trả về. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân Viên Điều Bệnh chọn chức năng Xin Cấp Giường Bệnh và xác nhận yêu cầu. | 2. Hệ thống nhận yêu cầu, lấy thông tin giường bệnh và gửi yêu cầu qua kế toán đề xác nhận. |
|  | 3. Hệ thống nhận phản hồi từ kế toán và cập nhật lại thông tin giường. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**4. Use case Điều Bệnh Nhân**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Điều Bệnh Nhân | |
| **Actor:** Nhân Viên Điều Bệnh | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor điều chuyển bệnh nhân về khoa và chọn giường cho bệnh nhân. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã chọn xem thông tin giường bệnh | |
| **Điều kiện sau:** Trạng thái giường được cập nhật. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Nhân Viên Điều Bệnh chọn chức năng Điều chuyển bệnh nhân. | 2. Hiển thị form nhập thông tin bệnh nhân điều chuyển. |
| 3. Nhập thông tin bệnh nhân và xác nhận. | 4. Hệ thống lấy thông tin giường và gán mã bệnh nhân vào giường, thay đổi trạng thái của giường thành pending. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
| 3.1.1. Nhân Viên Điều Chuyển chọn reset | 3.1.2. Xóa thông tin đã nhập. |
| 3.2.1. Nhân Viên Điều Chuyển chọn Cancel. | 3.2.2. Tắt form nhập thông tin bệnh nhân. |
|  | 4.1. Giường đang ở trạng thái pending hoặc đã có người, hệ thông thông báo lỗi và tắt form, cập nhật lại trạng thái giường. |

**5. Use case Nhận Bệnh Nhân**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Nhận Bệnh Nhân | |
| **Actor:** Y Tá | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor xác nhận đã nhận bệnh nhân. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã chọn xem thông tin của bệnh nhân được điều chuyển xuống khoa đó trong danh sách các bệnh nhân được điều chuyển xuống khoa. | |
| **Điều kiện sau:** Trạng thái giường được cập nhật. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Y Tá chọn chức năng Xác Nhận. | 2. Hiển thị form xác nhận đã nhận bệnh nhân. |
| 3. Chọn YES | 4. Tắt form và hệ thống cập nhật lại trạng thái giường. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
| 3.1. Chọn NO | 4.1. Tắt form. |

**6. Use case Đổi Giường**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Đổi Giường | |
| **Actor:** Y Tá | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor điều chuyển bệnh nhân từ giường đang nằm sang giường khác trong cùng một khoa. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã chọn xem thông tin giường bệnh cần đổi. | |
| **Điều kiện sau:** Trạng thái giường được cập nhật. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Y Tá chọn chức năng đổi giường. | 2. Hiển thị form nhập mã số giường muốn đổi. |
| 3. Nhập thông tin mã số giường và xác nhận. | 4. Hệ thống lấy thông tin của hai giường và kiểm tra điều kiện, cập nhật trạng thái và thông báo kết quả. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
| 3.1.1. Y Tá chọn reset | 3.1.2. Xóa thông tin đã nhập. |
| 3.2.1. Y Tá chọn Cancel. | 3.2.2. Tắt form nhập mã số giường. |

**7. Use case Xuất Khoa**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Xuất Khoa | |
| **Actor:** Y Tá | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor thực hiện việc xuất khoa cho bệnh nhân. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập và chọn xem thông tin giường bệnh mà bệnh nhân cần xuất khoa. | |
| **Điều kiện sau:** Cập nhật trạng thái giường. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Y tá chọn chức năng Xuất Khoa | 2.Hiển thị form xác nhận. |
| 3. Y tá chọn xác nhận cho bệnh nhân xuất khoa. | 4. Tắt form và cập nhật trạng thái giường. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**8. Use case Xem Thông Tin Giường Bệnh**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Xem Thông Tin Giường Bệnh | |
| **Actor:** Kế Toán, Y Tá, Nhân Viên Điều Chuyển | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor xem thông tin giường bệnh với quyền được cấp phép. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập và chọn giường | |
| **Điều kiện sau:** Hiển thị thông tin giường tương ứng với Actor | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Actor chọn chức năng Xem thông tin giường. | 2. Lấy thông tin của giường và hiển thị tương ứng với actor đó. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**9. Use case Xem Hiệu Quả Khai Thác Của Phòng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Xem Hiệu Quả Khai Thác Của Phòng | |
| **Actor:** Kế Toán | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor xem hiệu quả khai thác của phòng trong tháng đó. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập và chọn phòng. | |
| **Điều kiện sau:** Hiển thị thông tin phòng trong tháng. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Kế Toán chọn chức năng Xem Hiệu Quả Khai Thác Của Phòng. | 2. Lấy thông tin sử dụng của phòng trong tháng và hiển thị. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**10. Use case Xem Hiệu Quả Khai Thác Của Giường**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Xem Hiệu Quả Khai Thác Của Giường | |
| **Actor:** Kế Toán | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor xem hiệu quả khai thác của giường trong tháng đó. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập và chọn giường. | |
| **Điều kiện sau:** Hiển thị thông tin giường trong tháng. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Kế Toán chọn chức năng Xem Hiệu Quả Khai Thác Của Giường. | 2. Lấy thông tin sử dụng của giường trong tháng và hiển thị. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**11. Use case Thiết Lập Giá Phòng**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Xem Thiết Lập Giá phòng | |
| **Actor:** Kế Toán | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor đặt giá phòng. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập và chọn phòng. | |
| **Điều kiện sau:** Cập nhật thông tin phòng và giường trong phòng. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Kế Toán chọn chức năng Thiết lập giá phòng. | 2. Hiển thị form đặt giá phòng. |
| 3. Kế Toán nhập giá phòng và xác nhận. | 4. Kiểm tra điều kiện và cập lại lại giá phòng, lấy danh sách giường trong phòng và tính lại giá các giường, cập nhật giá giường. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**12. Use case Quy Định Giá Giường Hành Lang**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Quy Định Giá Giường Hành Lang | |
| **Actor:** Kế Toán | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor đặt giá giương cho các giường hành lang trong khoa. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập và chọn khoa. | |
| **Điều kiện sau:** Cập nhật thông tin giường hành lang. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Kế Toán chọn chức năng Thiết Lập giá giường hành lang. | 2. Hiển thị form đặt giá giường hành lang. |
| 3. Kế Toán nhập giá giường hành lang và xác nhận. | 4. Kiểm tra điều kiện và lấy danh sách các giường hành lang, cập nhật lại thông tin giường hành lang. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |

**13. Use case Quản Lý Thêm Giường**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Quản Lý Thêm Giường | |
| **Actor:** Kế Toán | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor quản lý việc thêm giường thêm và giường hành lang khi có yêu cầu. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã chọn yêu cầu đã được gửi tới. | |
| **Điều kiện sau:** Cập nhật thông tin phòng và giường trong phòng. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Kế Toán chọn chức năng Thêm giường trong yêu cầu thêm giường. | 2. Lấy thông tin giường, cập lại trạng thái giường và thông tin giường trong phòng. Xóa yêu cầu. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
| 1.1. Kế Toán chọn chức năng Hủy. | 1.2. Xóa yêu cầu. |

**14. Use case Quản Lý Bớt Giường**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên Use case:** Quản Lý Bớt Giường | |
| **Actor:** Kế Toán | |
| **Chức năng:** Use case cho phép actor quản lý việc bớt giường thêm và giường hành lang khi có không có nhu cầu sử dụng. | |
| **Điều kiện trước:** Actor đã đăng nhập và chọn xem thông tin giường. | |
| **Điều kiện sau:** Cập nhật thông tin phòng và giường trong phòng. | |
| **Luồng sự kiện chính:** | |
| **Actor** | **Hệ thống** |
| 1. Kế Toán chọn chức năng Bớt giường. | 2. Hiển thị form xác nhận bớt giường. |
| 3. Kế toán xác nhận. | 4. Cập nhật lại trạng thái giường , thông tin giường và phòng. |
| **Luồng sự kiện phụ:** | |
|  | 4.1. Giường đang được sử dụng hệ thống thông báo lỗi . |